

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 322/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Huỳnh Hường

2. Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện U, tỉnh K .

- Bị đơn: Anh Dương Văn D, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 và đơn xin vắng mặt ngày 29/6/2022 chị Nguyễn Thị U trình bày:* Chị và anh Dương Văn D chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 01/02/2012*). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau, chị và anh D đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị và anh D có 01 người con tên Dương Khánh Tân, sinh ngày 26/4/2009, hiện đang sống chung với anh D.

Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Tân cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Dương Văn D*: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Dương Văn D vẫn vắng mặt không lý do; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Dương Văn D có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C . nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Dương Văn D tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị U là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị U là nguyên đơn, anh D là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị U xin vắng mặt, anh D vắng mặt; Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh D không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị và anh đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U, cho chị U được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị U và anh D có 01 người con chung tên Dương Khánh Tân, sinh ngày 26/4/2009. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Tân cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, con chung tên Dương Khánh Tân, sinh ngày 26/4/2009. Hiện nay cháu Tân đang sống cùng với anh D, từ khi chị và anh D sống ly thân đến nay cháu Tân sống cùng với anh D, gần gũi với anh, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi

mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Dương Khánh Tân cho anh Dương Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Chị U không đặc ra, anh D không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị U xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị U phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U về việc ly hôn với anh Dương Văn D.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Dương Khánh Tân, sinh ngày 26/4/2009 cho anh Dương Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị U không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 13/7/2022 chị U đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005124 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công